

Số -NQ/TU

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA I, NHIỆM KỲ 2025 - 2030
về phát triển hệ thống đô thị văn minh, hiện đại, tập trung vào các đô thị
trung tâm và động lực trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Trung ương, quyết tâm cao của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh được quan tâm đầu tư phát triển theo hướng văn minh, hiện đại, đạt nhiều kết quả quan trọng thể hiện rõ nét tại các đô thị trung tâm¹ và động lực². Nhận thức của các cấp ủy, chính quyền về vai trò, tầm quan trọng của việc phát triển hệ thống đô thị theo hướng văn minh, hiện đại có chuyển biến tích cực; phương thức lãnh đạo, điều hành từng bước được đổi mới, minh bạch, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

Vai trò của đô thị trong sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh ngày càng mạnh mẽ và rõ nét, khu vực kinh tế tư nhân tập trung ở khu vực đô thị phát triển khá, số lượng doanh nghiệp ở khu vực đô thị tăng nhanh, đóng góp ngày càng lớn vào GRDP, thu ngân sách và giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh. Hạ tầng kỹ thuật đô thị cơ bản được đầu tư đồng bộ, nhiều khu dân cư mới hình thành, từng bước triển khai các ứng dụng phục vụ quản lý, phát triển đô thị thông minh, tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hạ tầng ven biển được chú trọng đầu tư phát triển, hình thành các khu công nghiệp - dịch vụ, cảng biển, khu đô thị mới gắn với Khu kinh tế Dung Quất; phát triển du lịch sinh thái, biển - đảo, dịch vụ hậu cần nghề cá; Nhiều công trình hạ tầng xã hội đô thị được đầu tư nâng cấp gắn với việc cung cấp ngày càng đầy đủ các dịch vụ về y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, dịch vụ công cộng phục vụ người dân đô thị.

Tuy nhiên, công tác phát triển đô thị vẫn còn tồn tại những hạn chế, yếu kém như: Tốc độ đô thị hóa chưa tương xứng tiềm năng³, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị vẫn còn một số nơi chưa đồng bộ, quy mô nhỏ, chưa có hệ thống thu gom xử

¹ Các đô thị trung tâm:

+ Đô thị Quảng Ngãi (đô thị trung tâm tỉnh Quảng Ngãi)

+ Đô thị Kon Tum (đô thị trung tâm phía Tây)

² Các đô thị động lực: Bình Sơn, Đức Phổ, Măng Đen, Bờ Y, Lý Sơn.

³ Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh năm 2025 đạt khoảng 30,6%, thấp hơn mức bình quân cả nước (khoảng 44-45%), phản ánh dư địa phát triển đô thị còn lớn.

lý nước thải, rác thải; đặc biệt hệ thống giao thông thiếu kết nối, đầu tư chưa hoàn thiện theo đúng quy hoạch. Một số dự án đô thị triển khai chậm, chưa tạo được sức lan tỏa mạnh mẽ. Công tác quản lý, đầu tư xây dựng và triển khai theo quy hoạch còn bất cập; nguồn lực đầu tư chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, chưa thu hút nhiều nguồn lực xã hội hóa. Có thể nhận diện các điểm nghẽn trong phát triển đô thị hiện nay gồm: (i) kết nối giao thông liên vùng và liên đô thị chưa đồng bộ, đặc biệt giữa khu vực ven biển với miền núi và Tây Nguyên; (ii) chất lượng quy hoạch đô thị chưa đồng đều, tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu tại nhiều đô thị còn thấp; (iii) thiếu các dự án động lực có khả năng dẫn dắt phát triển không gian đô thị; (iv) năng lực cung cấp dịch vụ đô thị, hạ tầng xã hội và hạ tầng số chưa đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị hiện đại; (v) tác động của biến đổi khí hậu, ngập lụt ven sông, ven biển, sạt lở miền núi làm gia tăng chi phí đầu tư và quản lý đô thị. Nguyên nhân khách quan: Nguồn lực từ ngân sách còn hạn chế, chịu ảnh hưởng từ sự biến động của tình hình chính trị, kinh tế thế giới, tác động biến đổi khí hậu (mưa lũ, sạt lở...); Nguyên nhân chủ quan: Năng lực quản lý, điều hành còn hạn chế, chính sách chưa đủ đột phá, sự phối hợp giữa các ngành, địa phương còn thiếu chặt chẽ.

Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050⁴ đã xác định quan điểm tổ chức không gian phát triển theo mô hình đa trung tâm, đa cực, đa hành lang; hình thành các vùng động lực ven biển, cao nguyên, biên giới và hải đảo với các không gian đặc thù riêng biệt nhưng có sự liên kết, kết nối, bổ trợ lẫn nhau. Ưu tiên phát triển trên các trục hành lang kinh tế chính, hình thành mạng lưới đô thị, khu chức năng phân bố hợp lý, bảo đảm liên kết nội tỉnh, liên kết vùng và kết nối quốc tế. Đồng thời, Quy hoạch tỉnh đã định hướng cấu trúc không gian phát triển toàn tỉnh gồm 06 phân vùng kinh tế - xã hội và 05 hành lang kinh tế; định hướng phát triển hệ thống đô thị toàn tỉnh đến năm 2030 gồm: 09 đô thị cấp tỉnh⁵ và 08 đô thị cấp tiểu vùng⁶. Theo đó: Đô thị Quảng Ngãi giữ vai trò là đô thị trung tâm tổng hợp, tập trung các chức năng hành chính cấp tỉnh, thương mại, tài chính, giáo dục đào tạo, y tế chất lượng cao, văn hóa và đổi mới sáng tạo của tỉnh; là cực động lực tăng trưởng phía Đông Nam và đầu mối liên kết vùng Duyên hải Trung Bộ. Đô thị Kon Tum là trung tâm tổng hợp phía Tây của tỉnh, đầu mối kết nối hành lang kinh tế Đông - Tây, phát triển dịch vụ, thương mại, giáo dục, y tế, văn hóa chất lượng cao cho khu vực Bắc Tây Nguyên. Đô thị Bình Sơn là đô thị công nghiệp - cảng biển, trung tâm phát triển của Khu kinh tế Dung Quất, công nghiệp nặng, năng lượng, logistics và dịch vụ cảng biển. Đô thị Đức Phổ là cực tăng trưởng phía Nam tỉnh, trung tâm công nghiệp, dịch vụ, logistics, cửa ngõ kết nối với vùng Nam Trung Bộ. Đô thị Măng

⁴ Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27/2/2026 của UBND tỉnh.

⁵ Các đô thị: Quảng Ngãi, Kon Tum, Bình Sơn, Đức Phổ, Măng Đen, Bờ Y, Lý Sơn, Sơn Hà, Đăk Pék.

⁶ Các đô thị: Trà Bồng, Mộ Đức, Ba Tơ, Minh Long, Đăk Tô, Đăk Hà, Đăk Rve, Sa Thầy.

Đen là trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, đô thị xanh, trung tâm kinh tế dịch vụ đặc thù vùng cao nguyên. Đô thị Bờ Y là đô thị cửa khẩu quốc tế, trung tâm thương mại biên giới, logistics và giao lưu kinh tế trên hành lang Đông - Tây. Đô thị Lý Sơn là trung tâm du lịch biển đảo quốc gia, kinh tế biển, dịch vụ hậu cần nghề cá gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh biển đảo. Việc hình thành hệ thống các đô thị trung tâm và đô thị động lực nêu trên sẽ tạo cấu trúc phát triển “đa trung tâm - đa cực - đa hành lang”, bảo đảm sự liên kết giữa vùng ven biển, vùng đồng bằng, vùng cao nguyên, vùng biên giới và hải đảo; qua đó phát huy tối đa lợi thế không gian phát triển mới của tỉnh Quảng Ngãi sau hợp nhất.

Tỉnh Quảng Ngãi mới với không gian phát triển rộng hơn, tiềm năng và dư địa tăng trưởng lớn hơn, yêu cầu về năng lực quản trị, điều hành và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp cao hơn... Để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững; hướng tới hình thành và phát triển hệ thống đô thị văn minh, hiện đại, tập trung vào các đô thị trung tâm và động lực, phát huy lợi thế để huy động các nguồn lực phục vụ đầu tư phát triển đô thị theo đúng định hướng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân và vị thế của tỉnh trong khu vực và cả nước; các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh tập trung quán triệt, thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nội dung sau:

II. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển hệ thống đô thị văn minh, hiện đại là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, có vai trò dẫn dắt quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I.

2. Phát triển hệ thống đô thị theo mô hình đa trung tâm, đa cực tăng trưởng; bảo đảm liên kết chặt chẽ giữa các đô thị trung tâm, đô thị động lực với các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch, khu vực nông thôn, miền núi, biên giới và hải đảo; phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng vùng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

3. Lấy người dân làm trung tâm phục vụ, doanh nghiệp làm động lực cốt lõi; phát triển đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên đầu tư các đô thị trung tâm, đô thị động lực, các hành lang kinh tế và các khu vực có khả năng lan tỏa, tạo động lực phát triển cho các vùng lân cận.

4. Phát triển đô thị văn minh, hiện đại trên nền tảng quy hoạch chất lượng cao, quản lý đô thị hiệu quả, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, chuyển đổi số và đô thị thông minh; gắn với tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Nhà nước giữ vai trò định hướng, kiến tạo phát triển, tập trung đầu tư các

công trình hạ tầng thiết yếu, hạ tầng chiến lược và các dự án có tính kết nối, lan tỏa; đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp để phát triển đô thị, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và người dân.

6. Phát triển hệ thống đô thị gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử, bản sắc địa phương; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; xây dựng môi trường sống văn minh, an toàn, thân thiện và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong liên kết vùng, quốc gia và quốc tế.

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh theo hướng bền vững, văn minh, hiện đại, giàu bản sắc gắn liền với bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, lịch sử đặc trưng của địa phương, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; gắn với yêu cầu phát triển toàn diện kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân tại các đô thị. Hạ tầng đô thị được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường. Kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh và bền vững, giữ vai trò động lực thúc đẩy và đóng góp quan trọng vào quy mô kinh tế của tỉnh.

Phát triển các đô thị trung tâm và đô thị động lực trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trở thành đô thị văn minh, hiện đại, đồng bộ về hạ tầng, có bản sắc, có sức cạnh tranh cao, đóng vai trò cực tăng trưởng, dẫn dắt và lan tỏa phát triển các đô thị trong tỉnh.

2. Chỉ tiêu đến năm 2030

- Về quy hoạch đô thị và nông thôn: 100% đô thị có quy hoạch chung được phê duyệt, rà soát và cập nhật phù hợp với Quy hoạch tỉnh; các đô thị trung tâm và đô thị động lực hoàn thành, phủ kín quy hoạch phân khu, đồng thời từng bước số hóa cơ sở dữ liệu quy hoạch phục vụ công tác quản lý, điều hành và phát triển đô thị.

- Về phát triển đô thị: hoàn thiện hệ thống đô thị theo mô hình đa trung tâm; các đô thị trung tâm cấp tỉnh đạt tiêu chuẩn đô thị loại II; các đô thị động lực cơ bản đạt tiêu chuẩn đô thị loại III; các đô thị trung tâm tiểu vùng từng bước hoàn thiện các tiêu chí phân loại đô thị theo lộ trình phù hợp với điều kiện phát triển của từng địa phương.

- Về hạ tầng kỹ thuật đô thị:

+ 100% đường chính đô thị hiện trạng được cứng hóa⁷; $\geq 50\%$ đường chính

⁷ Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (trang 200-204): Hiện trạng: Tỷ lệ cứng hóa đường tỉnh, đường huyện đạt 100%; đường nông thôn đạt hơn 70%; đường đô thị đạt 100%.

đô thị theo quy hoạch được cứng hóa.

+ Từ 80% đô thị, đô thị mới trở lên có hệ thống cấp nước sạch tập trung; 100% dân số đô thị được cấp nước sạch⁸.

+ Trên 98% chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực đô thị được thu gom, xử lý theo quy định⁹.

- Về đô thị xanh - môi trường - cảnh quan:

+ Tỷ lệ cây xanh tại các đô thị trung tâm, đô thị động lực đạt 15 m²/người¹⁰.

+ Hình thành từ 3 khu đô thị sinh thái trở lên.

- Về phát triển đô thị thông minh: 100% đô thị trung tâm và đô thị động lực được triển khai các ứng dụng công nghệ phục vụ quản lý phát triển đô thị thông minh (giao thông, chiếu sáng, cấp thoát nước, thông tin liên lạc, an ninh...)

- Về kiến trúc, cảnh quan và văn minh đô thị:

+ 100% đô thị trung tâm và đô thị động lực được ban hành và thực hiện hiệu quả quy chế quản lý kiến trúc đô thị.

+ 100% tuyến phố chính hiện trạng trong các đô thị trung tâm và đô thị động lực được đầu tư, xây dựng và chỉnh trang đồng bộ (vía hè, cây xanh, chiếu sáng).

- Về nhà ở xã hội và chất lượng sống:

+ Diện tích nhà ở bình quân $\geq 28 - 30$ m²/người; đảm bảo phát triển nhà ở xã hội theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

+ Phân đấu các đô thị trung tâm và đô thị động lực cơ bản đạt các tiêu chí chủ yếu về an ninh trật tự và văn minh đô thị.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phát triển con người và văn hóa đô thị

- Quán triệt, đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về phát triển đô thị văn minh, hiện đại tại các khu vực trung tâm và một số đô thị động lực ở các khu vực có lợi thế để tập trung huy động các nguồn lực đầu tư phát triển đô thị theo đúng định hướng.

- Đổi mới tư duy trong quản lý phát triển đô thị; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, phân cấp, phân quyền rõ ràng cụ thể trong quản lý đất đai, trật tự xây dựng.

⁸ Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026 - 2030 (kèm Công văn số 3191/UBND-KTTH ngày 15/4/2026).

⁹ Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026 - 2030 (kèm Công văn số 3191/UBND-KTTH ngày 15/4/2026).

¹⁰ Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026 - 2030 (kèm Công văn số 3191/UBND-KTTH ngày 15/4/2026).

- Tích cực tuyên truyền nhận thức, xây dựng và thực hiện nếp sống văn minh đô thị; nâng cao ý thức cộng đồng; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, bản sắc địa phương trong phát triển đô thị.

2. Về quy hoạch và quản lý phát triển không gian đô thị

- Nâng cao hơn nữa chất lượng trong công tác quy hoạch đô thị theo hướng đô thị xanh, thông minh, ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển bền vững. Tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn đảm bảo phù hợp với định hướng quy hoạch cấp trên và điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo phát triển hệ thống đô thị văn minh, hiện đại; hoàn thành phê duyệt quy hoạch chung đô thị và phủ kín quy hoạch phân khu đối với các đô thị trung tâm, đô thị động lực theo mục tiêu đề ra.

- Hoàn thiện cấu trúc không gian đô thị hiện đại: Tổ chức lại không gian trung tâm theo mô hình đa cực - đa chức năng (trung tâm hành chính, trung tâm thương mại - dịch vụ); kiểm soát chặt mật độ, tầng cao, kiến trúc các trục chính, quảng trường, điểm nhân; phát triển các đô thị động lực theo vai trò: Đô thị công nghiệp - cảng biển, đô thị dịch vụ - du lịch biển, đảo, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch khám phá; phát triển đô thị vệ tinh nhằm mục tiêu tránh dồn nén, giảm áp lực hạ tầng đô thị trung tâm.

3. Về phát triển hệ thống đô thị và nâng cấp đô thị

- Tập trung đầu tư phát triển các đô thị trung tâm đạt tiêu chí đô thị loại II; các đô thị động lực và đô thị tiểu vùng đạt tiêu chuẩn phân loại đô thị theo Quy hoạch tỉnh được duyệt. Ưu tiên phát triển các đô thị có lợi thế (ven biển, khu kinh tế, du lịch, miền núi, cửa khẩu), tạo cực tăng trưởng và lan tỏa phát triển vùng.

- Đẩy nhanh tiến độ các dự án khu đô thị mới, khu đô thị phức hợp, khu đô thị sinh thái; đô thị thông minh, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đô thị. Tăng cường liên kết giữa các đô thị trong tỉnh và với các vùng lân cận.

4. Về phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, hiện đại

- Ưu tiên đầu tư hoàn thiện hệ thống giao thông đô thị theo quy hoạch, đặc biệt là các trục vành đai, trục xuyên tâm, kết nối liên vùng; đẩy mạnh ưu tiên phát triển giao thông công cộng, từng bước hình thành các đô thị theo mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD), nâng cao khả năng kết nối và giảm áp lực giao thông đô thị.

- Đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, trong đó đặc biệt lưu ý đến cấp nước sạch, thoát nước, chống ngập úng, thu gom, xử lý chất thải rắn và nước thải, hệ thống chiếu sáng, hạ tầng kỹ thuật ngầm.

- Tăng cường phát triển mạnh mẽ hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số, dịch vụ thông minh, tiện ích đáp ứng yêu cầu của đô thị thông

minh. Đồng thời, đẩy mạnh ngầm hóa hệ thống lưới điện và cáp viễn thông tại các đô thị trung tâm để bảo đảm mỹ quan, an toàn cho người dân.

- Phát triển hạ tầng đô thị đảm bảo thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng khả năng chống chịu thiên tai.

- Nghiên cứu định hướng quy hoạch, đầu tư tuyến tránh qua trung tâm thành phố Quảng Ngãi cũ hoặc các giải pháp khác phù hợp, góp phần giảm tải phương tiện trên Quốc lộ 1 đi qua trung tâm, kết nối đồng bộ hạ tầng giao thông và không gian phát triển mới.

5. Về phát triển đô thị xanh, môi trường và cảnh quan

- Tăng cường phát triển diện tích cây xanh (cây xanh đô thị, trồng rừng,...), mặt nước; hướng đến phát triển các loại hình dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch khám phá.

- Đầu tư xây dựng, tăng diện tích các công viên, không gian xanh, hành lang sinh thái, không gian công cộng, đặc biệt là các công viên ven sông Trà Khúc, sông Đăk Bla, ven biển.

- Hình thành và phát triển các khu đô thị mới, hiện đại, đô thị sinh thái (Khu đô thị An Phú - Đảo Ngọc, các khu đô thị tại Khu du lịch sinh thái Măng Đen, khu đô thị Đông Nam Dung Quất, Khu đô thị Coastal...), đô thị xanh, tiết kiệm năng lượng.

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm môi trường và nâng cao chất lượng môi trường không khí, nước và đất đô thị.

6. Về phát triển đô thị thông minh và chuyển đổi số

- Triển khai đồng bộ các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đô thị: giao thông, cấp thoát nước, chiếu sáng, an ninh, dịch vụ công.

- Xây dựng và vận hành hiệu quả trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC). Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị, ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS), mô hình thông tin công trình (BIM) trong quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị. Phát triển chính quyền số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn diện.

7. Về kiến trúc, cảnh quan và văn minh đô thị

- Tổ chức lập, ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị, đảm bảo đến năm 2030. Tập trung đầu tư chỉnh trang các khu vực trung tâm, các tuyến phố chính theo hướng đồng bộ, hiện đại; cải tạo, nâng cấp các khu dân cư hiện hữu. Ưu tiên đầu tư xây dựng các không gian công cộng phục vụ nhu cầu của Nhân dân (quảng trường, công viên ven sông, ven biển...), gắn “hiện đại” với “bản sắc địa phương”.

- Chú trọng nâng cao chất lượng kiến trúc, cảnh quan và văn minh đô thị; tích cực xây dựng hình ảnh đô thị văn minh, sạch đẹp, có bản sắc. Việc thiết kế các "điểm nhấn đô thị" phải khai thác tối đa yếu tố lịch sử và văn hóa bản địa (như

văn hóa Sa Huỳnh, văn hóa biển đảo Lý Sơn, văn hóa Cồng chiêng) trong trang trí vỉa hè, chiếu sáng nghệ thuật và công viên.

8. Về phát triển kinh tế đô thị và huy động nguồn lực

- Phát triển mạnh các ngành kinh tế đô thị: thương mại, dịch vụ, du lịch, logistics; đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế ban đêm, du lịch đô thị, trong đó kiến tạo “đô thị động lực” có sức lan tỏa vùng. Hình thành các trung tâm tài chính - thương mại - dịch vụ tại các đô thị trung tâm và động lực.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào lĩnh vực đô thị - dịch vụ - thương mại - du lịch, đặc biệt là các nhà đầu tư chiến lược vào các dự án đô thị lớn, khu đô thị mới, khu phức hợp, công trình trọng điểm; đa dạng hóa nguồn lực đầu tư (ngân sách nhà nước, đối tác công tư (PPP), hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nguồn lực xã hội hóa) nhằm tăng tỷ trọng kinh tế đô thị, huy động nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách.

9. Về nhà ở, dịch vụ đô thị và chất lượng sống

- Phát triển nhà ở theo quy hoạch, chú trọng đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân khu công nghiệp.

- Nâng cao hơn nữa chất lượng sống của Nhân dân, chất lượng dịch vụ đô thị (y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, nhà ở xã hội, nhà ở công nhân khu công nghiệp...) và an sinh xã hội, an ninh đô thị theo hướng văn minh, hiện đại.

10. Về chính sách và quản lý đô thị

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; đẩy mạnh hoàn thiện chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư hạ tầng đô thị; hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù cho các đô thị trung tâm cấp tỉnh và trung tâm tiểu vùng, khu kinh tế và chính sách thu hút các nhà đầu tư chiến lược, công nghệ cao tham gia đầu tư vào tỉnh.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát. Quản lý chặt chẽ đất đai, trật tự xây dựng; xử lý nghiêm các vi phạm.

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức trong lĩnh vực quản lý đô thị; nâng cao năng lực quản trị đô thị theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp; tăng cường phối hợp liên ngành, liên vùng trong quản lý phát triển đô thị; đẩy mạnh giám sát việc thực hiện quy hoạch, chương trình phát triển đô thị và quản lý sử dụng đất theo quy hoạch được duyệt.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng nghiên cứu, quán triệt tuyên truyền nội dung Nghị quyết này trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ quan, địa phương, đơn vị; định kỳ kiểm tra, giám sát,

đánh giá việc thực hiện.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa nội dung Nghị quyết thành các đề án, cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch hành động với lộ trình và phân công trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân có liên quan; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện; sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy tham mưu phổ biến, quán triệt Nghị quyết; chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Thường trực Ban Bí thư (báo cáo);
- Các ban đảng TW và các vụ địa phương (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đảng ủy: các cơ quan Đảng tỉnh, UBND tỉnh, Quân sự tỉnh, Công an tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách TM, GV Tỉnh ủy;
- Đảng ủy MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu;
- VPTU: CVP, PCVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY